

TÁC ĐỘNG CỦA YẾU TỐ KINH TẾ VĨ MÔ TỚI KHẢ NĂNG SINH LỜI TẠI CÁC NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Nguyễn Thị Diệu Chi

Viện Ngân hàng – Tài chính, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: ndchi226@gmail.com

Nguyễn Thị Thùy Trang

Khoa Toán Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Ngày nhận: 12/7/2017

Ngày nhận bản sửa: 21/8/2017

Ngày duyệt đăng: 25/9/2017

Tóm tắt:

Bài báo đánh giá sự tác động của yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Với dữ liệu tài chính được thu thập từ 31 ngân hàng giai đoạn 2011 đến 2016, mô hình tác động ngẫu nhiên REM đã được sử dụng để ước lượng sự tác động của các yếu tố vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng với chỉ tiêu lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA). Kết quả mô hình cho thấy các yếu tố vĩ mô được lựa chọn đều ảnh hưởng tới khả năng sinh lời của các ngân hàng. Trong đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), tình trạng lạm phát (CPI) có tác động cùng chiều với ROA. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay bình quân liên ngân hàng (AIOR) và thu nhập bình quân (INC) lại có tác động ngược chiều với ROA. Từ kết quả của mô hình nghiên cứu, tác giả đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Khả năng sinh lời, yếu tố kinh tế vĩ mô, ngân hàng thương mại.

Impact of Macroeconomic Factors on Profitability of Vietnamese Commercial Banks

Abstract

This paper investigates the impact of macroeconomic factors on profitability of Vietnamese commercial banks. The study uses financial data of 31 Vietnamese joint stock commercial banks for the period from 2011 to 2016. The random effect model (REM) is used to estimate the impact of macroeconomic factors on banks' profitability (return on assets - ROA). The results indicate that selected macroeconomic factors have impact on bank profitability, among them Gross Domestic Product (GDP), Consumer Price Index (CPI) have positive impacts on ROA while Average of Interbank Offered Rate (AIOR) and Average per Capita Income (INC) have negative impacts on profitability. Based on the findings, some recommendations are given for improving profitability of Vietnamese commercial banks in the future.

Keywords: Profitability, macroeconomic factor, commercial bank.

1. Đặt vấn đề

Ngân hàng thương mại hoạt động với hai mục tiêu chính: (1) Cung cấp dịch vụ tài chính; (2) Thu phí và tính lãi từ các dịch vụ cho khách hàng với mục tiêu đem lại lợi nhuận cho cổ đông. Ngoài ra, ngân hàng cũng cung cấp nhiều dịch vụ đa dạng khác để đáp ứng tất cả nhu cầu tài chính của khách hàng.

Ngân hàng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo thanh khoản thông qua các khoản cho vay, quyền sử dụng tiền gửi và xoay vòng nợ từ hoạt động thẻ. Chính khả năng tiếp cận dòng tiền từ các ngân hàng đã giúp doanh nghiệp phát triển, người tiêu dùng có nhiều cơ hội hơn trong mua sắm, sử dụng dịch vụ và tạo việc làm mới (Athanasoglou & cộng sự, 2005).

Tuy nhiên, những khó khăn của ngân hàng lại có thể là nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng hệ thống. Do vậy, việc các ngân hàng hoạt động ổn định sẽ tạo nền tảng để tránh các cú sốc tài chính nhất định trong nền kinh tế (Alper & Anbar, 2011). Từ đó, có thể thấy, ngân hàng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế nói chung. Với ý nghĩa này, hiểu biết về tác động của các yếu tố tới sức khỏe của ngân hàng thông qua chỉ tiêu khả năng sinh lời ROA là cần thiết không chỉ đối với các nhà quản trị ngân hàng mà cả các nhà hoạch định chính sách.

Các yếu tố tác động tới khả năng sinh lời của ngân hàng có thể được chia làm hai nhóm: (1) Nhóm yếu tố thuộc ngân hàng; (2) Nhóm yếu tố thuộc môi trường kinh tế vĩ mô (Alper & Anbar, 2011). Bài viết tập trung nghiên cứu các yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tới khả năng sinh lời của ngân hàng. Bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu thời qua đã và đang có những ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của ngành ngân hàng nên nhiều ngân hàng Việt Nam hiện nay vẫn đang giải quyết các vấn đề rủi ro thanh khoản, nợ xấu cao, lợi nhuận suy giảm và tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng hệ thống. Bài viết xem xét mức độ ảnh hưởng của biến kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 đến 2016.

Bài viết có cấu trúc như sau: tiếp theo phần đặt vấn đề và là tổng quan nghiên cứu. Phần 3 khái quát hoạt động và khả năng sinh lời của ngân hàng Việt Nam. Phần bốn và năm lần lượt trình bày mô hình hồi quy và kết quả nghiên cứu. Phần cuối cùng đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các ngân hàng Việt Nam trong thời gian tới.

2. Tổng quan nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu của Athanasouglu & cộng sự (2005) đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố vi mô và vĩ mô tới ROA của các tổ chức tín dụng giai đoạn 1998 đến 2002 tại Châu Âu cho thấy lạm phát và thu nhập bình quân có ảnh hưởng lớn tới khả năng sinh lời của ngân hàng. Tiếp đó, Pasiouras & Kosmidou (2007) nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng sinh lời của các ngân hàng Châu Âu giai đoạn 1995 đến 2001 với 584 ngân hàng tại 15 quốc gia gồm 4088 quan sát; kết quả cũng chỉ ra rằng CPI và GDP có ảnh hưởng tích cực tới khả năng sinh lời của các ngân hàng địa phương, nhưng lại có ảnh hưởng ngược chiều với khả năng sinh lời của các ngân hàng nước ngoài. Vong và Hoi (2009) tìm

được kết quả tương tự với nghiên cứu của Pasiouras & Kosmidou (2007) đối với CPI và GDP. Ngoài ra, các biến kinh tế vĩ mô khác như tỷ lệ lãi suất cho vay bình quân, GDP và một số biến kinh tế vĩ mô khác không có ý nghĩa nghiên cứu.

Nghiên cứu của Aburime (2008) với 154 ngân hàng Nigeria gồm 1255 quan sát giai đoạn 1980 đến 2006 về sự ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô tới khả năng sinh lời của ngân hàng chỉ ra rằng, mức độ lạm phát, lãi suất cho vay bình quân, chính sách tiền tệ quốc gia, cơ chế tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng thuận chiều với sự tăng lên của thu nhập trên tài sản ROA. Trong khi đó, yếu tố thu nhập bình quân có ảnh hưởng ngược chiều với sự gia tăng của ROA, hay các yếu tố khác như cấu trúc thị trường tài chính lại có ý nghĩa thống kê. Tại khu vực Đông Nam Á, Sufian (2008) phát hiện rằng tình trạng lạm phát có ảnh hưởng ngược chiều tới khả năng sinh lợi của các ngân hàng Hàn Quốc trong suốt thời kỳ nghiên cứu: khi lạm phát tăng cao, chi phí hoạt động của ngân hàng càng lớn, ảnh hưởng tới lợi nhuận và khả năng sinh lời của các ngân hàng. Trong khi đó, mức độ ảnh hưởng của GDP và vốn hóa thị trường chứng khoán lại không có ý nghĩa.

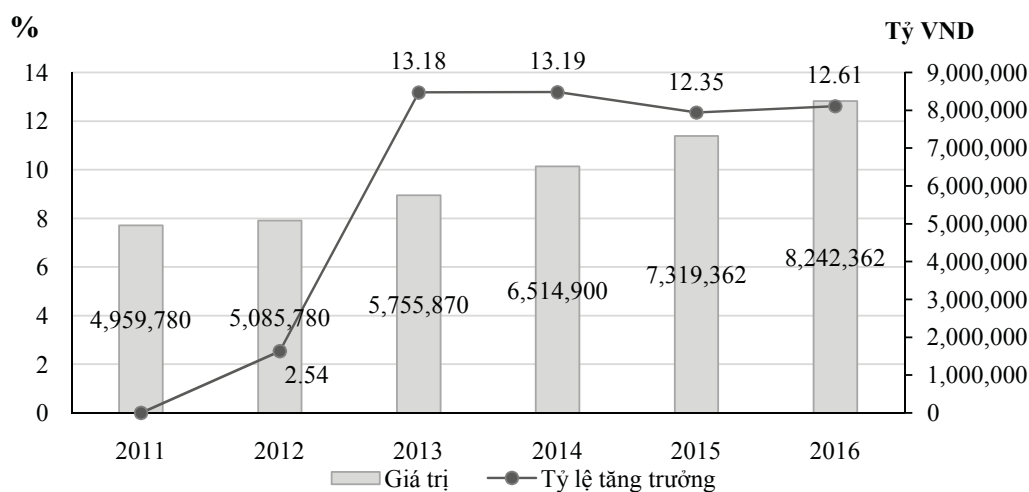
Mô hình nghiên cứu về sự ảnh hưởng của các biến kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ trong giai đoạn 2002 đến 2010 của Alper & Anbar (2011) chỉ ra rằng, trong các biến kinh tế vĩ mô như GDP, CPI... chỉ có yếu tố lãi suất cho vay bình quân liên ngân hàng là có ý nghĩa thống kê và tác động thuận chiều với khả năng sinh lời của các ngân hàng Thổ Nhĩ Kỳ giai đoạn 2002 đến 2010. Ramadan & cộng sự (2011) cũng sử dụng mô hình hồi quy để tìm hiểu ảnh hưởng của các yếu tố tới ROA của 10 ngân hàng Jordan, Santander – Colombia giai đoạn 2001 đến 2010. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số giá tiêu dùng CPI và tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP có tác động ngược chiều tới ROA. Kết quả này hoàn toàn ngược với nghiên cứu của Khrawish (2011).

Trên thế giới, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện để đánh giá sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô và vi mô tới khả năng sinh lời của ngân hàng. Tuy nhiên, mỗi nghiên cứu đứng trên góc độ, khía cạnh, thời điểm và môi trường kinh tế khác nhau. Do vậy, kết quả khác nhau và từ đó đưa ra những nhận định phù hợp với từng thời kỳ và mục tiêu nghiên cứu.

Bảng 1. Số lượng các Ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 – 2016

Năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Ngân hàng thương mại nhà nước	5	5	5	5	7	7
Ngân hàng thương mại cổ phần	37	34	33	33	28	28

Nguồn: Ủy ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia (2017)

Hình 1. Quy mô tổng tài sản hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011 đến 2016

Nguồn: Công ty chứng khoán Vietcombank (2017)

3. Khái quát hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam

3.1. Về số lượng ngân hàng

Theo Ủy ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia (2017), tới 31/12/2016, Việt Nam có 28 ngân hàng thương mại cổ phần và 7 ngân hàng thương mại nhà nước. Trong đó, số lượng ngân hàng cổ phần biến động mạnh nhất, giảm từ 37 (2011) còn 34 (2012), 33 (2013, 2014), và cuối năm 2016 chỉ còn 28 tổ chức. Trong đó, ngân hàng nhà nước và cổ phần có vốn nhà nước là nhóm duy nhất tăng lên về số lượng, từ 5 tổ chức lên 7 tổ chức trong năm 2016, nguyên nhân xuất phát từ hoạt động mua bán, sáp nhập giữa các tổ chức tín dụng, diễn ra trong năm 2015 (Bảng 1).

3.2. Về quy mô tổng tài sản

Hiện, tổng tài sản của toàn hệ thống ngân hàng đạt 8,2 triệu tỷ VND, tăng liên tục trong giai đoạn 2011 đến 2016. Quy mô tài sản toàn hệ thống đạt mức tăng trưởng khá bền vững, năm sau cao hơn

năm trước và luôn ở mức trên 12%/năm (Hình 1).

Với mức tăng trưởng quy mô tổng tài sản giai đoạn 2011 – 2016 và những diễn biến tích cực của thị trường tài chính, có thể thấy được những nỗ lực không nhỏ từ phía Chính phủ và các tổ chức tín dụng trong giai đoạn thực hiện tái cấu trúc ngành. Tốc độ tăng trưởng và giá trị tăng trưởng tổng tài sản của ngành ngân hàng tương đối ổn định đã cho thấy những bước đi tích cực và đúng đắn của ngành ngân hàng thời qua.

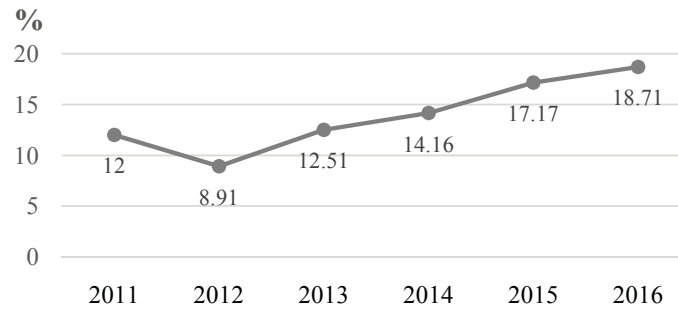
3.3. Về tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2011 đến 2016 có sự tăng trưởng rõ rệt, năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, có sự giảm nhẹ vào năm 2012 trước yêu cầu tái cấu trúc và thực hiện các quy định mới về phân loại nợ của ngành (Hình 2).

3.4. Về tình trạng nợ xấu

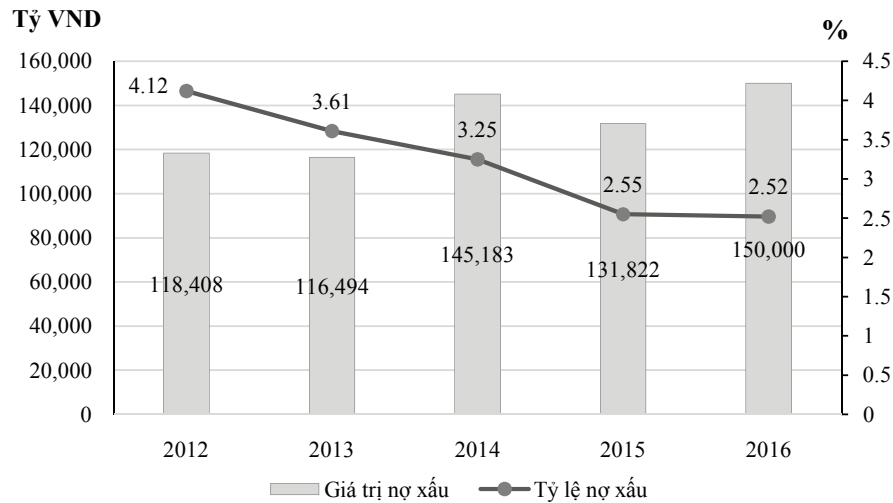
Theo Hình 3, tỷ lệ nợ xấu năm 2012 là 4,12% và giảm qua các năm. Đến 2016, tỷ lệ nợ xấu chỉ còn 2,52%. Tuy nhiên, nếu xét về giá trị tuyệt đối, nợ xấu

Hình 2. Tốc độ tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2011 đến 2016



Nguồn: Công ty chứng khoán Vietcombank (2017)

Hình 3. Nợ xấu của ngành Ngân hàng giai đoạn 2012 - 2016



Nguồn: Công ty chứng khoán Vietcombank (2017)

lại có xu hướng tăng trở lại trong giai đoạn 2012 - 2016. Nợ xấu từ mức 118.408 tỷ VND năm 2012, tăng lên 145.183 tỷ VND năm 2014 và vượt 150.000 tỷ VND năm 2016. Tính tới 31/12/2016, nếu tính cả nợ xấu nội bảng, nợ đã bán cho VAMC chưa xử lý và nợ xấu tiềm ẩn, toàn hệ thống ngân hàng nợ xấu còn khoảng 600.000 tỷ VND, chiếm 10,08% tổng dư nợ.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Dữ liệu và phương pháp phân tích

Bài viết sử dụng dữ liệu tài chính của 31 ngân hàng cổ phần nhằm đảm bảo sự minh bạch của các thông tin tài chính công bố nhằm đánh giá chính xác mức độ ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn 2011 đến 2016. Các dữ liệu được tác giả tổng hợp, trích lọc từ các báo cáo tài chính đã kiểm toán với 186 quan sát. Số liệu thu thập dưới dạng số

liệu mảng dạng không cân xứng, bởi một số quan sát có số liệu không liên tục do sự tác động của hoạt động mua bán và sáp nhập giữa các ngân hàng diễn ra trong giai đoạn này. Bài nghiên cứu sử dụng mô hình tác động ngẫu nhiên REM với sự hỗ trợ của phần mềm Stata (phiên bản 14).

4.2. Mô hình nghiên cứu

4.2.1. Biến nghiên cứu

Nghiên cứu sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng Việt Nam gồm 5 biến, trong đó 1 yếu tố được lựa chọn là biến phụ thuộc và 4 yếu tố còn lại là biến độc lập.

Biến phụ thuộc

Chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của các ngân hàng thường được sử dụng là ROA (Return on total assets). ROA là tỷ số thu nhập ròng trên tài sản, đo

lường khả năng sinh lời trên mỗi đồng tài sản của ngân hàng.

$$ROA = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

ROA của doanh nghiệp nói chung và các ngân hàng nói riêng được cho rằng có giá trị càng cao càng tốt, bởi ROA phản ánh hiệu quả quản lý của ngân hàng trong việc sử dụng vốn để tạo ra thu nhập (Desa, 2003). Hơn nữa ROA cũng cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin về các khoản thu nhập của tổ chức được tạo ra từ tài sản hình thành từ vốn vay và nguồn vốn chủ sở hữu.

Biến độc lập

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP: Chỉ tiêu về tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP thường được sử dụng là biến kinh tế vĩ mô để đánh giá mức độ ảnh hưởng tới khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại. Tốc độ tăng trưởng GDP cao và ổn định sẽ tạo động lực mở rộng kinh doanh, nâng cao khả năng sinh lời cho các ngân hàng (Guru & cộng sự, 1999). Một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng tốt và ổn định sẽ tạo môi trường hoạt động ổn định cho các ngân hàng, từ đó góp phần tăng hiệu quả hoạt động và khả năng tạo lợi nhuận của ngân hàng (Vong & Chan, 2009). Theo nghiên cứu của Bashir (1999), tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia có tác động thuận chiều với khả năng sinh lời của các ngân hàng ở khu vực Trung Đông, bởi thực tế cho thấy ở các quốc gia có mức thu nhập trung bình thấp, thị trường thường ít cạnh tranh và do vậy khả năng tạo ra lợi nhuận cho các ngân hàng cũng sẽ tăng nhờ ít đối thủ trên thị trường. Tuy nhiên, với kết quả của nghiên cứu của Alper & Anbar (2011) lại cho kết quả mối quan hệ ngược chiều giữa tốc độ tăng trưởng kinh tế và khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại.

Tình trạng lạm phát CPI: Trong nghiên cứu của Abreu & Mendes (2002), tình trạng lạm phát tại các quốc gia khu vực Châu Âu có ảnh hưởng tiêu cực tới khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại. Đối với các ngân hàng nói chung và ngân hàng cổ phần nói riêng, lạm phát tăng cao sẽ ngay lập tức ảnh hưởng xấu đến hoạt động huy động vốn, cho vay, đầu tư và thực hiện các dịch vụ ngân hàng. Thêm vào đó, các ngân hàng sẽ phải tăng lãi suất huy động, điều này khiến chi phí huy động tăng và khiến lợi nhuận giảm. Ngoài ra, việc Ngân hàng

Trung ương thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ cũng làm giảm lượng tiền trong lưu thông khi nhu cầu vay vốn cao, mà ngân hàng chỉ có thể đáp ứng một phần. Lạm phát cao còn khiến các ngân hàng sử dụng nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn. Đây chính là nguy cơ tiềm ẩn rủi ro thanh khoản, khiến chi phí cho trích lập dự phòng rủi ro tăng lên, làm giảm khả năng sinh lời và lợi nhuận của ngân hàng. Kết quả nghiên cứu tương tự về sự tác động ngược chiều của lạm phát và khả năng sinh lời của ngân hàng cũng đạt được trong nghiên cứu của Sufian & Chong (2008) khi đánh giá sự tác động của các biến vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng Philippines.

Tuy nhiên, Jiang & cộng sự (2003) lại chỉ ra mối quan hệ thuận chiều giữa lạm phát và khả năng sinh lời của các ngân hàng Hồng Kông. Kết quả tương tự trong các nghiên cứu của Wasiuzzaman & Tarmizi (2009) tại các ngân hàng Malaysia hay Vong & Hoi (2009) tại các ngân hàng Macau. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, các ngân hàng có thể kiểm soát khả năng sinh lời trước biến động của mức độ lạm phát thông qua việc điều chỉnh mức lãi suất phù hợp, do vậy đảm bảo khả năng tạo ra nhiều lợi nhuận hơn so với chi phí huy động vốn. Thêm vào đó, Perry (1992) cũng chỉ ra mối quan hệ thuận chiều giữa lạm phát và khả năng sinh lời của các ngân hàng. Điều đó phụ thuộc vào việc các ngân hàng phản ứng trong việc điều chỉnh lãi suất nhanh hay chậm trước sự biến động của tình trạng lạm phát, từ đó góp phần tăng doanh thu so với chi phí và có tác động cùng chiều với khả năng sinh lời của ngân hàng.

Lãi suất cho vay bình quân thị trường liên ngân hàng AIOR: Tỷ lệ lãi suất cho vay tăng làm tăng lợi nhuận do chênh lệch giữa lãi suất huy động và lãi suất cho vay được nói rộng, bởi trong ngắn hạn lãi suất huy động của ngân hàng không kịp điều chỉnh với tốc độ tăng của lãi suất cho vay. Nghiên cứu của Alper & Anbar (2011) và Guru & cộng sự (1999) cũng cho kết quả mối quan hệ thuận chiều giữa khả năng sinh lời của ngân hàng và tỷ lệ lãi suất ngân hàng đưa ra. Tuy nhiên, nghiên cứu của Demircuc-Kunt & Huizinga (1999) cho kết quả ngược chiều giữa lãi suất và khả năng sinh lời. Lý giải cho kết quả nghiên cứu, Demircuc-Kunt & Huizinga (1999) cho rằng lãi suất cho vay tăng, đồng nghĩa với việc ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất huy động nên làm tăng chi phí huy động vốn, từ đó làm giảm lợi nhuận. Điều này hoàn toàn có thể xảy ra trong dài hạn, còn trong ngắn hạn thì việc tác động là cùng

Bảng 2. Mô tả các biến và giả thuyết nghiên cứu

Biến	Mô tả biến	Đo lường biến	Đấu kỳ vọng
ROA	Khả năng sinh lời của ngân hàng	Thu nhập ròng/Tổng tài sản (%)	
GDP	Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế qua các năm	$GDP = \frac{GDP_t - GDP_{t-1}}{GDP_t} * 100$ (%)	+
CPI	Tình trạng lạm phát	Chỉ số giá tiêu dùng CPI (%)	+/-
AIOR	Tỷ lệ lãi suất cho vay bình quân thị trường liên ngân	Lãi suất cho vay bình quân thị trường liên ngân hàng (%)	-
INC	Thu nhập bình quân đầu người	Log (Thu nhập bình quân đầu người qua các năm (USD/người/năm))	+

chiều. Do vậy, nhìn chung các kết quả nghiên cứu về sự tác động của lãi suất lên khả năng sinh lời của ngân hàng là khá tương đồng nhau.

Thu nhập bình quân đầu người INC: Khi thu nhập bình quân của người dân tăng, sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu và thanh toán, từ đó các dịch vụ của ngân hàng cũng được sử dụng nhiều hơn, tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Không chỉ vậy, khi thu nhập tăng, ngoài việc tăng chi tiêu người dân thường có xu hướng gửi tiết kiệm nhiều hơn, ngân hàng có thể huy động được nhiều vốn hơn để đáp ứng nhu cầu vốn trên thị trường cũng như sử dụng vào các hoạt động đầu tư, kinh doanh để kiếm lợi. Nhu cầu chi tiêu tăng lên còn kích thích các doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, làm tăng nhu cầu vốn trong nền kinh tế giúp cho ngân hàng cho vay được nhiều hơn, từ đó thu được nhiều lợi nhuận hơn.

4.2.2. Mô hình nghiên cứu

Để đánh giá sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của ngân hàng Việt Nam trong giai đoạn từ 2011 đến 2016, nhóm tác giả thực hiện đánh giá thông qua mô hình số liệu có dạng:

$$\text{Khả năng sinh lời ROA} = \beta_0 + \text{GDP}\beta_1 + \text{CPI}\beta_2 + \text{AIOR}\beta_3 + \text{INC}\beta_4 + u$$

Khả năng sinh lời của ngân hàng ROA được xem xét là biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu. Các biến kinh tế vĩ mô GDP, CPI, AIOR và INC là các biến độc lập tác động tới ROA của ngân hàng.

5. Kết quả thực nghiệm đánh giá sự tác động của các yếu tố vĩ mô tới khả năng sinh lời tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam

5.1. Mô tả thống kê

Theo kết quả Bảng 3, trung bình giá trị ROA của các ngân hàng Việt Nam đạt 0,68%/năm trong giai đoạn 2011 đến 2016, với độ lệch chuẩn là 0,52%/năm. Trong đó, ROA cao nhất của hệ thống đạt mức 2,54%/năm và ROA thấp nhất là -0,38%/năm. Điều này chứng tỏ có sự chênh lệch rất lớn giữa khả năng sinh lời của ngân hàng trong giai đoạn 2011 đến 2016, thể hiện sự không đồng đều trong thu nhập tạo ra từ tài sản của ngân hàng. Bên cạnh đó, GDP trung bình trong giai đoạn này đạt 5,68%/năm, với giá trị dao động trong khoảng từ 5,03 % đến 6,68%, độ lệch chuẩn 0,54%, chứng tỏ mức tăng trưởng của nền kinh tế trong giai đoạn khá ổn định, là cơ sở quan trọng cho sự phát triển ổn định của ngành ngân hàng. Tuy nhiên, tình hình lạm phát thông qua chỉ số CPI lại có sự dao động mạnh với mức biến động từ 0,63% tới 18,13%, độ lệch chuẩn lên tới 5,74%. Điều này có thể ảnh hưởng trực tiếp tới việc điều chỉnh lãi suất của ngân hàng, ảnh hưởng tới chi phí huy động vốn và khả năng sinh lời của ngân hàng thương mại. Lãi suất cho vay bình quân thị trường liên ngân hàng trong giai đoạn này không có sự biến động mạnh với mức dao động từ 9,3% đến 18,20%, độ lệch chuẩn 2,88%/năm. Điều này cũng phù hợp với chính sách ổn định lãi suất của Ngân hàng Nhà nước thời gian qua nhằm ổn định nền kinh tế qua giai đoạn khủng hoảng. Cùng với đó, mức thu nhập bình quân đầu người có sự tăng trưởng đều qua các năm, trung bình đạt 1918 USD/người/năm, mức thu nhập tăng dần từ 1517 USD lên tới 2215 USD, cho thấy đời sống người dân đang tăng lên, là cơ sở cho tăng trưởng tín dụng và các dịch vụ ngân hàng.

Bảng 4 thể hiện mối quan hệ tương quan giữa các biến độc lập trong mô hình nghiên cứu. Theo Baltagi

Bảng 3. Thống kê mô tả các biến

	ROA	GDP	CPI	AIOR	INC
Trung bình	0,68	5,86	6,40	12,10	1918
Trung vị	0,62	5,89	6,04	11,50	1960
Giá trị lớn nhất	2,54	6,68	18,13	18,20	2215
Giá trị nhỏ nhất	-0,38	5,03	0,63	9,30	1517
Độ lệch chuẩn	0,52	0,54	5,74	2,88	230.9

Nguồn: Tác giả tính toán sử dụng phần mềm Stata 14

Bảng 4. Tương quan giữa các biến độc lập

	GDP	CPI	AIOR	INC
GDP	1.0000			
CPI	-0.3099	1.0000		
AIOR	-0.2639	0.6762	1.0000	
INC	0.5114	-0.5580	-0.5957	1.0000

Nguồn: Tác giả tính toán sử dụng phần mềm Stata 14

(1995), các biến có hệ số tương quan dưới 0,8 được xem là không có hiện tượng đa cộng tuyến. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối tương quan giữa AIOR và CPI, AIOR và INC mặc dù khá cao ở mức 0,67 và -0,59, nhưng vẫn thấp hơn 0,8 nên có thể coi các biến không có hiện tượng đa cộng tuyến. Trong khi đó, biến GDP có mối tương quan rất thấp với CPI và AIOR với mức thấp nhất là -0,31. Với kết quả đạt được từ ma trận tương quan, cho thấy các biến lựa chọn vào mô hình nghiên cứu là tương đối phù hợp để sử dụng đánh giá sự tác động của các biến vĩ mô tới ROA của ngân hàng thương mại.

5.2. Kết quả thực nghiệm đánh giá sự tác động của các yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

Bảng 5 thể hiện kết quả thực nghiệm mô hình đánh giá sự tác động của 4 biến kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của 31 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn từ 2011 đến 2016 cho thấy có sự tác động nhất định của các biến kinh tế vĩ mô tới khả năng tạo ra lợi nhuận của ngân hàng.

Kết quả của mô hình cho thấy, với hệ số R^2 overall (toàn bộ mô hình) = 0,3967, chứng minh rằng, 4 biến kinh tế vĩ mô đưa vào mô hình có thể giải thích được 39,67% sự tác động của 4 biến kinh tế này tới khả năng tạo ra lợi nhuận của ngân hàng. Còn lại 60,33% là sự tác động của các yếu tố khác tới ROA của ngân hàng. Đối với mô hình tác động ngẫu nhiên được sử dụng ứng dụng tốt cho việc giải thích sự thay đổi của mỗi ngân hàng qua các năm thể hiện qua hệ số R^2

within đạt tới 45,13% trong khi R^2 between thể hiện mức độ thay đổi giữa các ngân hàng với nhau chỉ đạt 5,43%. Ngoài ra, giá trị P-value cho thấy các biến đều có ý nghĩa thống kê, dù ở mức độ khác nhau. CPI và INC có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, các biến GDP và AIOR có ý nghĩa ở mức 10%.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP có mối quan hệ tỷ lệ thuận khả năng sinh lời của ngân hàng. Kết quả chỉ ra rằng, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng lên, ROA của ngân hàng có xu hướng tăng lên tương ứng. Khi GDP tăng 1% thì ROA sẽ tăng lên 0,0123%. Điều này cho thấy khi một nền kinh tế tăng trưởng sẽ tạo điều kiện cho ngân hàng tăng hiệu quả hoạt động, giảm rủi ro thị trường, tăng cơ hội cung ứng các dịch vụ tài chính, nhờ vậy góp phần nâng cao lợi nhuận và khả năng tạo lợi nhuận ngân hàng.

Tình trạng lạm phát CPI có mối quan hệ tương quan dương với ROA với mức ý nghĩa 5%. Khi mức độ lạm phát của nền kinh tế tăng lên 1% thì ROA ngân hàng có xu hướng tăng lên 0,02%. Kết quả chỉ ra rằng trong suốt thời kỳ nghiên cứu, các ngân hàng đã có một sự chuẩn bị tốt cho những tác động của lạm phát tới khả năng sinh lời, thông qua việc điều chỉnh mức lãi suất phù hợp. Do vậy, lợi nhuận không bị giảm sút mà thậm chí tăng lên trong thời kỳ lạm phát. Kết quả này đạt được giống với kết quả nghiên cứu của Aburime (2008), Bashir (1999) hay Sufian (2008).

Lãi suất cho vay bình quân thị trường liên ngân hàng AIOR cũng có tác động ngược chiều với ROA

Bảng 5. Kết quả hồi quy tác động của yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của các Ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến độc lập (Variable)	Hệ số ước lượng (Coef.)	Sai số chuẩn (Std.Error)	Thống kê z (z)	Mức xác suất (P>z)
C	11.5653	5.6927	2.030	0.042
GDP	0.0123	0.0069	1.800	0.086
CPI	0.0200	0.0024	8.400	0.040
AIOR	-0.0029	0.0062	-0.500	0.096
INC	-1.4657	0.7230	-2.030	0.043
R-sq: within	0.4513	Number of obs		186
R-sq: between	0.0543	Number of groups		31
R-sq: overall	0.3967	Obs per group: min		2
Wald chi2(4)	110.53	avg		5.5
Prob>chi2	0.000	max		5.5

Nguồn: Tác giả tính toán sử dụng phần mềm Stata 14

với mức ý nghĩa 10%. Khi AIOR tăng 1% thì ROA có xu hướng giảm 0,003%. Mặc dù sự tác động của AIOR tới ROA không thực sự lớn nhưng nó cũng được coi là một thành tố cần quan tâm vì vẫn có ảnh hưởng tới khả năng sinh lời.

Với thu nhập bình quân đầu người INC, kết quả mô hình hồi quy cho kết quả ngược với kỳ vọng, khi INC có tác động ngược chiều với ROA. Tức là khi INC tăng 1% thì ROA lại có xu hướng giảm 1,47% với mức ý nghĩa thống kê là 5%. Điều này có thể lý giải, khi thu nhập của người dân tăng lên, họ có xu hướng tăng lên những yêu cầu về chất lượng dịch vụ ngân hàng. Do vậy, người dân họ sẽ lựa chọn những ngân hàng uy tín với chất lượng dịch vụ tốt thay vì lựa chọn bất kỳ ngân hàng nào khi thu nhập thấp. Điều này sẽ dẫn tới sẽ có những ngân hàng ROA tăng khi INC tăng và có những ngân hàng ROA giảm khi INC tăng.

6. Kết luận và khuyến nghị

Bài viết sử dụng dữ liệu tài chính của 31 ngân hàng cổ phần Việt Nam giai đoạn 2011 đến 2016 với 186 quan sát để đánh giá sự tác động của 4 yếu tố kinh tế vĩ mô tới khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam thông qua chỉ tiêu ROA. Kết quả mô hình thực nghiệm đã cho thấy cả 4 biến GDP, CPI, AIOR và INC lựa chọn vào mô hình hồi quy đều có ý nghĩa thống kê trong việc đánh giá sự tác động lên ROA. Trong đó GDP, CPI có tác động cùng chiều lên ROA và AIOR, INC có tác động ngược chiều tới khả năng sinh lời.

Nhìn chung, các yếu tố kinh tế vĩ mô phụ thuộc rất lớn và các quyết sách của Chính phủ và các cơ quan chức năng, và từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả xin đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao khả năng sinh lời của các ngân hàng đối với Chính phủ và các cơ quan chức năng.

6.1. Xây dựng môi trường kinh tế ổn định và phát triển bền vững

Chính phủ và các cơ quan chức năng, trong đó có Ngân hàng Nhà nước cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm phát triển ổn định và bền vững nền kinh tế nói chung và hỗ trợ tăng trưởng cho ngành ngân hàng nói riêng. Các giải pháp đối với ngành ngân hàng nên xuất phát từ chính sách tiền tệ. Theo đó, công tác điều hành tiền tệ cần tiếp tục thực hiện theo hướng chủ động, linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát tốt mức độ lạm phát thấp, duy trì mặt bằng lãi suất cho vay trung, dài hạn phù hợp, ổn định tỷ giá, tạo cơ sở để ngân hàng chủ động trong lập kế hoạch kinh doanh hàng năm.

6.2. Hoàn thiện và xây dựng hành lang pháp lý theo chuẩn quốc tế

Chính phủ và các cơ quan chức năng nên chủ động trong việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý phù hợp theo chuẩn quốc tế. Theo đó, các văn bản pháp lý nên được rà soát lại, tránh sự chồng chéo giữa các luật, quy định về ngân hàng hay sự khác biệt trong điều chỉnh giữa luật quốc gia và luật quốc tế. Các quy định về ngân hàng cần có

sự thống nhất giữa luật quốc gia và luật quốc tế. Bên cạnh đó, hệ thống luật các tổ chức tín dụng cũng cần có sự sửa đổi bổ sung tạo vị thế độc lập giữa Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ trong việc điều hành chính sách tiền tệ, tạo vai trò tự chủ của Ngân hàng Nhà nước trong các quyết sách điều hành thị trường tiền tệ. Từ đó, tạo hành lang pháp lý đầy đủ và theo chuẩn quốc tế để các ngân hàng nói riêng và các tổ chức tín dụng nói chung hoạt động ổn định và tăng trưởng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Abreu M. & V. Mendes (2002), *Commercial bank interest margins and profitability: evidence from E.U countries*, Porto Working paper series.
- Aburime, T.U. (2008), ‘Determinants of Bank Profitability: Macroeconomics Evidence from Nigeria’, *Lagos Journal of Banking, Finance and Economics*, retrieved on September 10th 2017, from <<http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.1231064>>.
- Alper, D. & Anbar, A. (2011), ‘Bank Specific and Macroeconomic Determinants of Commercial Bank Profitability: Empirical Evidence from Turkey’, *Business and Economic Research Journal*, 2(2), 139-152.
- Athanasoglou, P.P., Delis, M.D. & Staikouras, C. (2005), ‘Determinants of Bank Profitability in the South Eastern European Region’, *Journal of Financial Decision Making*, 2, 1-17.
- Baltagi, B.H. (1995), *Econometric Analysis of Panel Data*, John Wiley & Sons Ltd., 3-5.
- Bashir, A. (1999), ‘Risk and Profitability Measures in Islamic Banks: The Case of Two Sudanese Banks’, *Islamic Economic Studies*, 6(2), 1-24.
- Công ty Chứng khoán Vietcombank (2017), *Báo cáo ngành ngân hàng 2017*, Hà Nội.
- Demirguc-Kunt, A. & Huizinga, H. (1999), ‘Determinants of Commercial Bank Interest Margins and Profitability: Some International Evidence’, *World Bank Economic Review*, 13(2), 379 - 408.
- Desa, K.A. (2003), *An analysis of the determinants of commercial banks profitability in Malaysia*, Universiti Utara Malaysia, Sintok, Kedah.
- Guru, K.G., Staunton, J. & Shanmugam, B. (1999), ‘Determinants of Commercial Bank Profitability in Malaysia’, presentation 12th Australasian Finance and Banking Conference, Sydney, Australia, 16 -17 December.
- Jiang, Gourong, Tang, Nancy, Law, Eve & Sze, Angela (2003), ‘The profitability of the banking Sector in Hong Kong’ *Hong Kong Monetary Authority Quarterly bulletin*, 36, 5-14.
- Khrawish, H.A. (2011), ‘Determinants of Commercial Banks Performance: Evidence from Jordan’, *International Research Journal of Finance and Economics*, 5(5), 19 - 45.
- Pasiouras, F. & Kosmidou, K. (2007), ‘Factors influencing the profitability of domestic and foreign commercial banks in the European Union’, *Research in International Business and Finance*, 21(2), 222–237.
- Perry, P. (1992), ‘Do Banks Gain or Lose from Inflation’, *Journal Retail Bank*, 14 (2), 25–35.
- Ramadan, I.Z., Kilani, Q.A. & Kaddumi, T.A. (2011), ‘Determinants of Bank Profitability: Evidence from Jordan’, *International Journal of Academic Research*, 3(4), 180-191.
- Sufian, F. (2008), ‘Profitability of the Korean Banking Sector: Panel Evidence on Bank Specific, and Macroeconomic Determinants’, *Journal of Economics and Management*, 7(1), 43-72.
- Sufian, F. & Chong, R.R. (2008), ‘Determinants of Bank Profitability in Developing Economy: Empirical Evidence from Philippines’ *Asean Academy of Management Journal of Accounting and Finance*, 4(2), 91–112.
- Ủy ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia (2017), *Báo cáo tình hình kinh tế năm 2016 và dự báo năm 2017*, Hà Nội.
- Vong, A.P.I. & Chan, H.S. (2009), ‘Determinants of bank profitability in Macao’, *Macau Monetary Research Bulletin*, 12(6), 93-113.
- Vong, P.I.A. & Hoi, S.C. (2009), ‘Determinants of Bank Profitability in Macao’, *University of Macao working paper*, July 2009.
- Wasiuzzaman, S. & Tarmizi, H.A.A. (2009), ‘Profitability of Islamic Banks in Malaysia: An Empirical Analysis’, *Journal of Islamic Economics, Banking and Finance*, 6(4), 53-68.